

Bản án số: 27/2020/DS-PT
Ngày: 09-7-2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thẩm phán Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 65/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn L - Sinh năm 1966; Địa chỉ: Xóm 1, thôn C, xã T, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1952; Địa chỉ: Xóm 1, B, xã T, huyện Tr, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 27-5-2020);

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn L:* Bà Nguyễn Thị M - Luật sư, Công ty luật TNHH Quốc tế DTH thuộc đoàn luật sư Th phố H1 Nội.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Minh Đ (tên gọi khác Phạm Văn Đ), sinh năm 1960; Nơi ĐKKTT: Xóm 1, thôn C, xã T, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Cư trú tại: Số nhà 221/8A, đường Võ Thị S, phường Th, Th T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị C, sinh năm 1962 (vợ ông Đ); Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, thôn C, xã T, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

Cư trú tại: Số nhà 221/8A, đường Võ Thị S, phường Th, Th T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

2. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987

3. Chị Nguyễn Thị Nh, Sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn Tr, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Bà Đào Thị H, sinh năm 1965 (vợ ông L); Địa chỉ: Xóm 1, thôn C, xã T, huyện Tr, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Th, chị Nh:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1958; Địa chỉ: Làng Bôn, xã Nam H, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 26-5-2020).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Văn L là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Có mặt bà H, bà H, bà Ph, ông L, anh Th; Vắng mặt ông Đ, bà C, chị Nh, Luật sư M có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 3 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Phạm Văn L và người đại diện theo ủy quyền của ông L - Bà Phạm Thị H trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày: Nguồn gốc diện tích 310m² gồm: Đất ở 205m², đất ao 105m² tại thửa 788, tờ bản đồ số 1 là của cụ Phạm Văn U (chết năm 1996) và cụ Vũ Thị D (chết năm 2015) là bố mẹ các ông L, ông Đ, bà H, bà H1, bà S1. Cụ U, cụ D đã cho ông L thừa đất trên từ năm 1988, cũng từ đó ông L ở nhà và sử dụng thửa đất trồng cây H màu còn bố mẹ ông về quê thôn Quĩ thượng, xã Trực Hưng ở, năm 1995 ông L đã được cấp giấy chứng nhận QSD thửa đất 788 nêu trên. Năm 1987 ông Đ lấy vợ bố mẹ đã cho 3 miếng đất phần % liền kề với thửa đất của ông L, ông Đ đã vượt lập năm 1992 làm nhà ở từ đó, ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 255m², tại thửa 787, tờ bản đồ số 1. Năm 2001 vợ chồng ông Đ xây bếp lấn sang đất vườn của gia đình ông L diện tích 36m², khi vợ chồng ông Đ xây bếp vợ chồng ông L có biết, lúc đầu không nhất trí cho ông Đ xây bếp trên đất của ông L, sau ông Đ nói cho ông Đ mượn đất (không có biên bản) khi nào ông Đ về quê nội sẽ trả lại ông L. Đến năm 2015, sau khi cụ Dậu qua đời, ông Đ đã bán thổ đất trên cho con bà Ph (trong đó có 36m² đất ông Đ đã xây bếp lấn sang đất của ông L). Nay bà H được ông L ủy quyền yêu cầu ông Đ trả lại ông L 36m² đất ông Đ lấn chiếm để xây bếp.

* Tại bản tự khai và tại phiên tòa, ông Phạm Minh Đ (tên gọi khác Phạm Văn Đ) trình bày: Ông được nhà nước cấp diện tích 255m² đất ở tại thửa 787,

năm 1992 ông đã làm nhà, năm 1993 ông xây bếp, năm 1995 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Năm 2006 ông đã nhường cho bà Phạm Thị H1 42m² đất (giáp đường), còn lại 213m² đất gia đình ông vẫn ở sử dụng. Liên kế là thửa đất 788 có nguồn gốc đất là của bố mẹ ông, hiện ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình ở sử dụng thửa đất, hai bên vẫn vui vẻ hòa thuận. Đến năm 2015 ông nhường bán thửa đất trên cho vợ chồng anh Nguyễn Văn Th là con trai bà Ph (hai bên đã làm hợp đồng viết tay, chưa làm thủ tục sang tên) thì ông L cho rằng: Gia đình ông mượn đất để xây bếp lấn sang đất ông L là không đúng sự thật, chưa bao giờ ông mượn đất ông L xây bếp, gia đình ông xây bếp không lấn sang đất ông L, ông không chấp nhận yêu cầu của ông L đề nghị Tòa án xem xét.

* Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa; Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Ph trình bày: Năm 2016 con bà là Nguyễn Văn Th cùng vợ là Nguyễn Thị Nh có mua của vợ chồng ông Phạm Minh Đ thửa đất số 787, tờ bản đồ số 1, diện tích 255m² đất ở (trong đó ông Đ đã tách thửa cho bà Phạm Thị H1 42m²) với giá là 360.000.000đ, hai bên đã ký hợp đồng mua bán viết tay (chưa làm thủ tục chuyển nhượng). Nay ông L cho rằng; ông Đ đã xây bếp lấn sang đất nhà ông L 36m², ông L yêu cầu ông Đ trả lại thì anh Th, chị Nh không nhất trí, vì trước khi mua đất của ông Đ bà đã tìm hiểu về nguồn gốc thửa đất của ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là hợp pháp, hiện tại thửa đất còn đang thiếu 6m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà cũng chấp nhận không ý kiến gì.

* Tại bản tự khai, bà Phạm Thị H1 trình bày: Năm 1991 khi nhà nước về đo đạc ông Đ đã nhường bán cho bà 42m² đất (trong tổng diện tích thửa đất ở của ông Đ là 255m²) với giá 200đồng, bà đã xây nhà ở từ đó cho đến nay (nhà giáp đường). Năm 2007 bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 42m². Ông Đ cũng xây nhà, bếp từ khoảng năm 1991, bếp xây giáp đất của bố mẹ bà, đến nay nhà, bếp vẫn còn nguyên hiện trạng, quá trình sử dụng đất hai bên hòa thuận không xảy ra tranh chấp.

* Ngày 30-10-2019 bà H có giao nộp đơn đề nghị của bà Phạm Thị S1 là chị gái ông Đ, em gái ông L trình bày: Năm 1995 bố mẹ bà đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 310m² cho ông L, thời gian sau bà vào vũng tàu làm ăn. Năm 2001 bà có về quê chứng kiến việc ông Đ có thỏa thuận với ông L mượn đất vườn khoảng 38m² để xây bếp.

* Theo cung cấp của chính quyền địa phương:

Thửa đất 788, diện tích 310m², trong đó đất ở 205m², đất ao 105m² là của bố mẹ ông Đ và ông L theo các bên khai, năm 1995 ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất trên.

Thửa 787 là đất của ông Đ đã vượt lập lên, 1 phần là thùng đào, 1 phần là ruộng 2 lúa của hợp tác xã. Năm 1995 ông Đ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 255m² đất ở. Ngày 21-11-2006 ông Đ đã chuyển nhượng 42m² đất cho bà Phạm Thị H1, năm 2007 bà H1 đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Theo sơ đồ đo hiện trạng: Đất của ông Đ tại thửa 787 có diện tích 249m², còn thiếu 6m² do sai số cho phép, đất ông Đ là đủ. Đất của ông L tại thửa 788 có diện tích 185m² đất ở và 105m² đất ao, có ngõ vào nhà ông L 28m², so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa 788 còn thiếu 20m² không xác định được vị trí thiếu ở đâu, vì không đo được các hộ liền kề khác.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Thành lập Hội đồng định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất đang tranh chấp. Hội đồng định giá đã xác định giá trị tài sản trên đất đang có tranh chấp như sau: Phần Bếp xây bị lợp xô xi măng (4,7 x 4,9), cao 43; trị giá 19.500.000đ; Phần Bếp xây bị lợp ngói (26 x 37), cao 1,9; trị giá 5.400.000đ; Giá đất theo khung giá của nhà nước tại xóm 1, xã Trục Hưng, đất ở 900.000đ/m²; đất vườn, ao là 75.000đ/m². Giá đất ở theo thị trường tại xóm 1, xã Trục Hưng đoạn đường thuộc tỉnh lộ 488 (QL21B kéo dài) là 4.500.000đ/m². Đất ở bên trong là 800.000đ/m². Giá đất vườn, ao sát mặt đường là 2.500.000đ/m². Đất vườn, ao bên trong là 250.000đ/m².

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 91, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 175 Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L đòi ông Phạm Minh Đ (Phạm Văn Đ) trả lại 36m² đất đã lấn chiếm tại thửa 787, tờ bản đồ số 1, xã Trục Hưng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20-11-2019 ông Phạm Văn L là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Năm 2001 vợ chồng ông Phạm Văn Đ xây bếp và công trình phụ sang phần diện tích 36 m² thuộc quyền sử dụng của gia đình ông L. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của ông L, đề nghị ông Đ pH có trách nhiệm trả lại cho gia đình ông L quyền sử dụng diện tích đất 36 m².

Tại phiên toà phúc thẩm: Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm kháng cáo về việc buộc bị đơn pH trả lại phần đất lấn chiếm, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vợ chồng ông Phạm Minh Đ và bà Vũ Thị C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày tại Tòa án huyện Trục Ninh từ trước đến nay, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Ph là người đại diện theo ủy quyền của anh Th, chị Nh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận lý do kháng cáo của ông Phạm Văn L, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Những người tiến Hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp Hành đúng những quy định của BLTTDS năm 2015. Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS đề nghị về nội dung vụ án giữ nguyên bản án sơ thẩm, xác định vợ chồng ông Đ, bà C đã xây bếp và công trình phụ đúng mốc giới, không lấn chiếm đất của vợ chồng ông L, bà H, hiện nay diện tích đất đang sử dụng thực tế của hai hộ đang thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hai hộ từ năm 1995. Ông L kiên ông Đ xây dựng bếp lấn chiếm 36 m² đất là không có căn cứ. Về án phí sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai về quan hệ pháp luật tranh chấp nên đã tính án phí sơ thẩm có giá ngạch là không chính xác. Trong vụ án này cần pH xác định là quan hệ tranh chấp là đòi quyền sử dụng đất nên đề nghị sửa án sơ thẩm về phần án phí. Về án phí dân sự phúc thẩm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn L làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Nh đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ph tham gia tố tụng tại Tòa án, vợ chồng ông Phạm Minh Đ, bà Vũ Thị C, Luật sư Nguyễn Thị Mến đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hành xét xử vụ án vắng mặt họ. Tòa án cấp sơ thẩm còn có thiếu sót sau cần rút kinh nghiệm như không có biên bản giao thông báo về việc thụ lý vụ án, biên bản giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, biên bản giao bản án cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ông Phạm Văn L cho rằng ông Phạm Minh Đ đã xây bếp lấn chiếm đất của gia đình ông nên yêu cầu ông Đ pH trả lại phần đất lấn chiếm. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp quyền sử dụng

đất với hộ liền kề chứ không phải là tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định là không đúng nên cấp phúc thẩm cần phải xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho chính xác.

[4] Xét kháng cáo của ông Phạm Văn L thấy rằng: Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Nam Ninh trước đây nay là huyện Trục Ninh cấp ngày 20-9-1995 cho hộ ông Phạm Văn L có diện tích là 310m² trong đó đất ở 205m², đất ao 105m² tại thửa đất số 788, tờ bản đồ số 1. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Nam Ninh trước đây nay là huyện Trục Ninh cấp ngày 20-9-1995 cho hộ ông Phạm Văn Đ có diện tích là 255m² đất ở tại thửa đất số 787, tờ bản đồ số 1, ngày 21-11-2006 ông Đ đã chuyển nhượng 42m² đất cho bà Phạm Thị H1, năm 2007 bà H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như vậy hộ ông Đ chỉ còn lại 213m². Đối chiếu với kết quả xem xét, đo đạc, thẩm định hiện trạng diện tích đất của hai thửa đất đang có tranh chấp là thửa 788 của hộ ông L và thửa 787 của hộ ông Đ tại tờ bản đồ số 1 đã thể hiện như sau: Hộ ông L có tổng diện tích 185m² đất ở và 105 m² đất ao, có ngõ vào nhà ông L diện tích 28 m² so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thiếu 20 m² đất). Hộ ông Đ có tổng diện tích 249m² (tính cả diện tích 42m² đất ông Đ đã chuyển nhượng cho bà Phạm Thị H1) so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thiếu 6m² đất). Thửa đất của ông L có nguồn gốc là đất của ông cha để lại, thửa đất của ông Đ có nguồn gốc là đất 2 lúa của hợp tác xã và thung đào. Ông L, ông Đ và UBND xã Trục Hưng đều xác định từ trước đến năm 2015, hộ ông L và hộ ông Đ sử dụng đất giữa hai bên không có tranh chấp gì về mốc giới đất. Đến khi ông Đ về quê nội năm 2015 đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng anh Th, chị Nh nên mới phát sinh tranh chấp.

[5] Xét yêu cầu của ông L đòi ông Đ trả lại diện tích đất lấn chiếm là 36 m² đất thì thấy. Qua thu thập các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Căn cứ vào lời trình bày về quá trình quản lý, sử dụng đất, chứng cứ do ông L cung cấp và căn cứ kết quả xem xét thẩm định đo đạc tại thực địa ngày 26-6-2019, ý kiến xác nhận của chính quyền địa phương, lời khai của người làm chứng. HĐXX xét thấy việc quản lý, sử dụng đất hộ ông Phạm Văn L, hộ ông Phạm Minh Đ về diện tích đều thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính xã Trục Hưng. Ông L cho rằng năm 2001 ông Đ mượn đất xây bếp lấn sang đất nhà ông 36m² ông yêu cầu ông Đ trả lại đất cho ông. Ông Đ lại cho rằng năm 1992 ông đã làm nhà, năm 1993 xây bếp sử dụng hai bên vẫn hòa thuận ông chưa bao giờ mượn đất của ông L, ông không xây bếp lấn sang đất ông L nên ông không chấp nhận yêu cầu của ông L. Bà Nguyễn Thị Ph đại diện theo ủy quyền của anh Th, chị Nh không nhất trí với yêu cầu của ông L. Quá trình sử dụng đất thời gian dài hai bên vẫn hòa thuận không ai ý kiến gì về mốc giới, ông Đ làm nhà từ năm 1992 khi đó cụ Uyên, cụ Dậu còn sống, gia đình ông Đ xây bếp, gia đình ông L có biết cũng không ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về mốc giới. Việc ông L cho rằng năm 2011 ông Đ hỏi mượn đất để xây bếp nhưng

không có biên bản hay chứng cứ gì. Tại lời khai của bà H1 cũng xác nhận gia đình ông Đ xây nhà và bếp từ khoảng năm 1991 (đất ông Đ không pH của bố mẹ bà), bếp xây giáp đất của bố mẹ bà, đến nay nhà, bếp vẫn còn nguyên hiện trạng, quá trình ở sử dụng hai bên hòa thuận không xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, ngày 30-10-2019 bà H lại giao nộp cho Tòa án đơn đề nghị của bà Phạm Thị S1 là chị gái ông L và ông Đ lại xác nhận: Năm 2001 bà chứng kiến việc ông Đ có thổ đất liền kề thỏa thuận với ông L mượn đất vườn khoảng 38m² cạnh đất ông Đ để ông Đ làm bếp và công trình phụ. HĐXX xét thấy, lời khai của bà S1 mâu thuẫn với lời khai của bà H1, không phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đo hiện trạng thửa đất ông Đ thiếu 6m² đất do sai số cho phép, thửa đất ông L thiếu 20m², qua thu thập tại chính quyền địa phương cũng thể hiện, không đo được đất các hộ liền kề khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà H và ông L xác định giữa hộ ông L và các hộ liền kề khác không có tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất vì giữa các hộ với nhau đã xây dựng tường bao nên không xác định được đất ông L vị trí thiếu ở đâu. Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bà H, bà H, ông L cũng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh việc ông Đ xây bếp lấn sang đất nhà ông L. Do đó, ông L khởi kiện ông Đ xây bếp lấn sang đất của gia đình ông là 36m² là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H, bà H, ông L cũng không đưa ra được các chứng cứ và lý lẽ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông L là có căn cứ và hợp pháp. Vì vậy yêu cầu kháng cáo của ông L không được chấp nhận cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp quyền sử dụng đất, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì đương sự pH chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nên có căn cứ để sửa phần án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp. Số tiền 300.000 đồng ông L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại chi cục Thi Hành án dân sự huyện Trục Ninh sẽ được đối trừ.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Phạm Văn L không được chấp nhận nên ông L pH nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ với tiền dư phí kháng cáo ông L đã nộp 300.000 đồng tại chi cục Thi Hành án dân sự huyện Trục Ninh biên lai số AA/2017/0001322 ngày 21-11-2019, ông L đã thi Hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn L. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn L đòi ông Phạm Minh Đ (Phạm Văn Đ) trả lại 36m² đất đã lấn chiếm tại thửa 787, tờ bản đồ số 1, xã Trục Hưng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn L pH nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được đối trừ vào số tiền ông L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 04952 ngày 13-3-2019 tại Chi cục thi Hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Ông L đã thi Hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn L pH nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông L đã nộp 300.000 đồng tại chi cục Thi Hành án dân sự huyện Trục Ninh theo biên lai số AA/2017/0001322 ngày 21-11-2019 ông L đã thi Hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Án phúc thẩm có hiệu lực thi Hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lại Văn Tùng